

# **ĐO LƯỜNG THỐNG KÊ KHU VỰC PHI CHÍNH THỨC Ở TIỂU KHU VỰC SAHARA CHÂU PHI: KINH NGHIỆM TỪ CÁC CUỘC ĐIỀU TRA 1-2-3**

Mireille Razafindrakoto, François Roubaud (\*)

**K**inh nghiệm thu thập số liệu về khu vực phi chính thức gần đây ở một số nước Châu Phi đã cho thấy rằng, ngược lại với những gì người ta mong đợi, việc đo lường thống kê về khu vực phi chính thức không chỉ có khả năng thực hiện được, mà thực hiện nó không khó hơn các loại hoạt động thống kê khác, đã từng thực hiện trong 'hộp công cụ' truyền thống là các cuộc điều tra thống kê (các cuộc điều tra doanh nghiệp trong khu vực mới, các cuộc điều tra thu nhập - chi tiêu hộ gia đình, v.v...). Bài báo này sẽ trình bày kinh nghiệm của một số nước châu Phi về các cuộc điều tra hỗn hợp giữa hộ gia đình - doanh nghiệp để lượng hóa khu vực phi chính thức bằng việc sử dụng phương pháp *điều tra 1-2-3* (xem bài viết đầu tiên của chuyên san này).

*Điều tra 1-2-3* có nguồn gốc từ phương pháp tiếp cận theo ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất bắt đầu từ cuộc điều tra việc làm hộ gia đình theo phương pháp cổ điển (pha 1) cho phép xác định những người chủ của đơn vị phi chính thức. Giai đoạn thứ hai (pha 2) hỏi những người chủ này những câu hỏi cụ thể về doanh nghiệp thuộc khu vực phi chính thức. Giai đoạn thứ ba (pha 3) dành cho một tập hợp nhỏ các hộ gia đình đã được phân tổ và chọn ra từ pha 1 để thu thập thông tin về tiêu dùng của các hộ.

## **1. Các nguyên tắc của phương pháp điều tra hỗn hợp khu vực phi chính thức: xét về phương pháp luận**

Nguyên tắc chung của điều tra hỗn hợp là sử dụng thông tin được lấy ra từ cuộc điều tra hộ gia đình liên quan đến hoạt động của các cá nhân (pha 1) để chọn ra một mẫu các đơn vị sản xuất kinh doanh, các đơn vị sản xuất kinh doanh này được phỏng vấn bằng một bảng hỏi riêng về hoạt động phi chính thức (pha 2, Hình 1). Mỗi cá nhân thuộc lực lượng lao động đang làm việc (ví dụ như, một người làm công việc bất kỳ ít nhất 1 giờ trong tuần được hỏi, theo khái niệm của Tổ chức Lao động Quốc tế) người trả lời anh ta là chủ hoặc là lao động tự làm trong một đơn vị sản xuất kinh doanh thỏa mãn tiêu chuẩn của khu vực phi chính thức (về quy mô hoặc không đăng ký) sẽ được hỏi để hoàn thành phiếu điều tra đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức do anh ta đang làm chủ.

Thiết kế hai pha được phát triển trong những năm 1980 để khắc phục vấn đề chủ yếu của phương pháp quy ước ("phương pháp thứ nhất" trong Hình 1), đó là khó khăn để có được phạm vi đầy đủ của khu vực phi chính thức (Roubaud và Sérurier, 1991; Roubaud, 1997). Có hai khó khăn chủ yếu đối với các cuộc điều tra cơ sở kinh tế, đó là khó khăn để có được bức tranh toàn diện của tổng thể đang xem xét (các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phi chính thức). Phạm vi đầy đủ của toàn bộ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phi chính thức là không thể có được, trừ khi Tổng điều tra

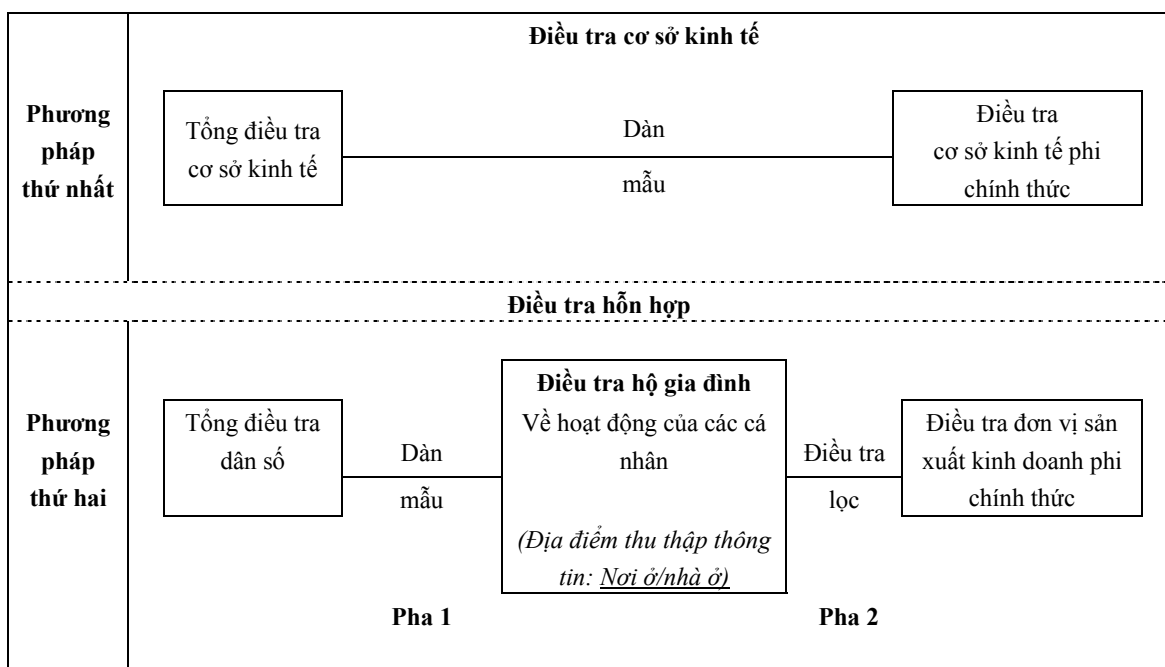
(\*) Người dịch: Nguyễn Thị Thái Hà

kinh tế được thực hiện và được khớp nối với Tổng điều tra dân số, đặc biệt là các hoạt động đã thực hiện tại nhà hoặc ở những địa điểm không cố định. Thứ hai là quy luật dân số (tỷ lệ sinh ra và mất đi) của các doanh nghiệp khu vực phi chính thức, cập nhật đăng ký để chọn ra các mẫu đại diện cho khu vực phi chính thức thường không thực hiện nổi. Điều đó giải thích tại sao phần lớn các cuộc điều tra đã thực hiện theo phương pháp này phải đưa ra các ước lượng không đáng tin cậy và không phù hợp (ước tính tổng số đơn vị phi chính thức quá thấp, ước tính quá cao quyền số của các đơn vị phi chính thức có địa điểm sản xuất kinh doanh, và do vậy đã phóng đại hoạt động kinh tế của khu vực phi chính thức vì các doanh nghiệp có địa điểm sản xuất kinh doanh cố

định thường hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn các doanh nghiệp có địa điểm sản xuất kinh doanh không cố định).

Nhận biết trực giác quan trọng nhất về các cuộc điều tra hỗn hợp khu vực phi chính thức đó là các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức (IPUs) <sup>(1)</sup> dễ nắm bắt hơn thông qua việc làm của những người làm việc trong khu vực phi chính thức hơn là thông qua nhận biết về địa điểm nơi diễn ra các hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Thách thức chủ yếu tiếp theo đó là để xây dựng tổng thể tiềm ẩn về các cá nhân, việc làm, đơn vị sản xuất kinh doanh và mối quan hệ giữa chúng. Theo trình tự, bắt đầu từ tổng thể để có được các đơn vị sản xuất kinh doanh thông qua việc làm (việc làm có vai trò là biến trung gian).

**Hình 1: Hai phương pháp chọn mẫu khác để đo lường khu vực phi chính thức**



**Nguồn:** Roubaud and Sérurier, 1991.

Điều cần quan tâm để so sánh sơ lược điều tra hỗn hợp với các phương pháp điều tra hiện có khác là phương pháp tiếp cận hộ gia đình và phương pháp tiếp cận cơ sở kinh tế, và để cố gắng đánh giá lợi thế so sánh của các phương pháp khác nhau. So sánh theo khái niệm, phương pháp điều tra hỗn hợp có phạm vi rộng hơn so với phương pháp tiếp cận từ hộ gia đình vì nó đã bao gồm điều tra hộ gia đình. Điều tra hộ gia đình, tương ứng với pha 1, chỉ có thể cung cấp thông tin về việc làm trong khu vực phi chính thức, việc làm phi chính thức và trong một chừng mực nào đó có cung cấp thông tin về đặc điểm của đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức (ngành kinh tế, quy mô và loại địa điểm). Để có được thông tin tin cậy hơn, đặc biệt là thông tin về các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp (sản xuất kinh doanh, v.v...), cần có một cuộc điều tra doanh nghiệp có mục tiêu chính xác như mục tiêu của pha 2. So sánh với phương pháp tiếp cận từ doanh nghiệp, các cuộc điều tra hỗn hợp đảm bảo được tính đồng nhất của các ước lượng (không bị chệch), mà đối với cách tiếp cận hộ gia đình thì điều này nằm ngoài khả năng cho phép.

Cuối cùng, trong nhóm các cuộc điều tra hỗn hợp, nghiên cứu liên quan đến việc phân biệt các cuộc điều tra hỗn hợp theo mô đun và các cuộc điều tra hỗn hợp độc lập, dù là ranh giới xuất phát điểm của các cuộc điều tra này không rõ ràng. Cả điều tra hỗn hợp theo mô đun và điều tra hỗn hợp độc lập đều là những cuộc điều tra kết hợp giữa hộ gia đình và doanh nghiệp, sự khác biệt xuất phát từ phương pháp lựa chọn đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức trong pha 2. Trong các cuộc điều tra hỗn hợp độc lập, khi đã chọn được các địa bàn điều tra (EAs), không chỉ điều tra toàn bộ các hộ gia đình thuộc các địa bàn điều tra đã chọn, mà

còn được sàng lọc giữa các hộ gia đình làm chủ các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức và các hộ khác. Quy trình này giả định rằng thông tin được thu thập từ tất cả các hộ gia đình, có thể sử dụng các bảng hỏi khác nhau nhằm bao quát toàn bộ mức độ phức tạp, từ một bảng liệt kê đơn giản ("*Có một thành viên nào của hộ làm chủ một cơ sở sản xuất kinh doanh phi chính thức không?*") đến một bộ câu hỏi có phạm vi mở rộng hơn.

Trong phương pháp điều tra hỗn hợp theo mô đun, sau khi chọn được các địa bàn điều tra và liệt kê danh sách tất cả các hộ gia đình, giống như trong phương pháp độc lập, pha 1 được áp dụng để chọn mẫu ngẫu nhiên các hộ gia đình trong các địa bàn điều tra thuộc dàn mẫu. Pha 1 này theo định nghĩa của một cuộc điều tra cụ thể, được sử dụng để làm dàn mẫu cho pha 2, nhưng cũng cung cấp các kết quả cụ thể theo điều kiện cần có của riêng nó. Từ các kết quả này, rõ ràng là phương pháp điều tra hỗn hợp độc lập có thể được xem xét là một trường hợp cụ thể của phương pháp điều tra hỗn hợp theo mô đun, khi mà xác suất được chọn điều tra của hộ gia đình trong các địa bàn điều tra bằng 1, và khi mà pha 1 được hạn chế về câu hỏi chung. Xét về khía cạnh này, phương pháp điều tra độc lập có vẻ ít phù hợp về mặt thống kê hơn so với phương pháp mô đun.

Trước hết, một bảng kê danh sách hộ rất đơn giản là đối tượng để tính toán các sai số: để biết một hộ gia đình có làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh phi chính thức hay không, có thể không cần dựa vào khai báo của thành viên chính thức trong hộ gia đình. Việc theo dõi các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức trong hộ gia đình cần điều tra kỹ tình trạng lao động của từng

thành viên trong hộ, đó là mục tiêu cụ thể của pha 1 của các cuộc điều tra hỗn hợp. Thứ hai, thiết kế mẫu các cuộc điều tra độc lập có thể không tối ưu. Với một quy mô mẫu cho trước về số lượng các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức và ngân sách, thì có hai khả năng lựa chọn cho một cuộc điều tra độc lập: hoặc lựa chọn nhiều địa bàn điều tra hơn để có thể thay thế điều tra theo mô đun (và cho kết quả là có cùng số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh phi chính thức trên mỗi địa bàn điều tra), nhưng trong trường hợp này chi phí sẽ cao hơn nhiều vì tất cả các hộ gia đình đã chọn ở các địa bàn điều tra đều phải được phỏng vấn; hoặc chọn số lượng địa bàn điều tra ít đi (để bù lại cho phần chi phí bổ sung tăng lên cho điều tra từng hộ gia đình), và trong trường hợp này số liệu ước tính có hiệu quả thấp hơn, do ảnh hưởng của phân tầng. Cần nghiên cứu kỹ mức độ thiếu chính xác.

Cuối cùng, phương pháp mô đun là sự lựa chọn tốt nhất. Các cuộc điều tra hỗn hợp độc lập có thể cho các kết quả ước lượng tốt hơn so với điều tra theo mô đun, chỉ khi nó kết hợp dàn mẫu hộ gia đình và doanh nghiệp. Tuy nhiên lợi ích có thể đạt được phải được cân đối giữa sự tăng lên về chi phí và sự phức tạp của dàn mẫu. Những vấn đề phải xem xét này không có nghĩa là phương pháp mô đun hỗn hợp phải có đặc quyền về hệ thống. Vấn đề quan trọng cần phải xét đến đó là đặc điểm cụ thể về bối cảnh của quốc gia: các nguồn thông tin, truyền thống và kinh nghiệm sẵn có.

## **2. Lược đồ chung của điều tra 1-2-3**

Như đã trình bày ở mục 1, *điều tra 1-2-3* được thiết kế để sắp xếp 3 cuộc điều tra lại với nhau, nhằm vào các tổng thể thống kê khác nhau: các cá nhân, các đơn vị sản xuất kinh doanh, các hộ gia đình. *Điều*

*tra 1-2-3* là sự mở rộng các cuộc điều tra theo mô hình hỗn hợp được miêu tả trong mục 1. *Điều tra 1-2-3* có hai mục tiêu chính:

- Thứ nhất, là mục tiêu kinh tế vĩ mô, bằng cách cung cấp cho các cán bộ tài khoản quốc gia những thông tin cơ bản cần thiết để hòa nhập khu vực phi chính thức trong hệ thống tài khoản quốc gia, không chỉ về mặt cơ cấu sản xuất (sản xuất, giá trị tăng thêm, tiền công... của các hoạt động kinh tế phi chính thức), mà còn xác định về số lượng liên quan giữa khu vực phi chính thức và các khu vực còn lại của nền kinh tế;

- Thứ hai, là mục tiêu kinh tế xã hội, bằng việc cung cấp thông tin liên quan về các ngành kinh tế thuộc khu vực phi chính thức khác nhau (các đặc điểm chủ yếu và những yêu cầu cơ bản) để dự báo về các doanh nghiệp vi mô đang trên đà phát triển (tín dụng, đào tạo, tổ chức, tiếp cận thị trường, v.v...)

Ngoài các đặc điểm đã nêu ở pha 2, *điều tra 1-2-3* cũng được xem là một cuộc điều tra kết hợp chủ lao động/người làm thuê.

Tiểu sa mạc Sahara châu Phi có truyền thống thích *điều tra 1-2-3*. Đó là khu vực (Cameroon, 1993) đầu tiên được thiết kế có kết cấu đầy đủ (3 pha), khu vực có nhiều số liệu có giá trị nhất (Madagascar) và là nơi các cuộc điều tra so sánh được thực hiện đồng thời áp dụng với việc mở rộng số các nước tham gia (Tây Phi). Từ khi cuộc điều tra đầu tiên được thực hiện năm 1997 đến năm 2003, có 23 vòng điều tra pha 1, 16 vòng điều tra pha 2 và 14 vòng điều tra pha 3 ở 11 nước khác nhau, đã thực hiện ở châu lục này (Bảng 2). Phạm vi địa lý đã tăng dần, từ lần đầu thực hiện ở các thành phố đến các khu vực thành thị, và cuối cùng là phạm vi quốc gia (Bê nanh, Ca mơn, run,

Cộng hòa dân chủ Công gô và Morocco. Trong một số nước (Madagascar, Ca mơ run, Bê nanh và Brundi) số liệu có thể so sánh theo thời gian. Tiểu sa mạc Sahara châu Phi cũng là khu vực xuất bản nhiều tài liệu và báo cáo nhất (báo cáo về phương pháp, báo cáo kết quả chủ yếu, các báo cáo phân tích, thông tin và hội thảo khoa học),

đứng đầu trong số các tổ chức thể chế khu vực khác nhau sử dụng *điều tra 1-2-3* là công cụ được ưa chuộng để đo lường khu vực phi chính thức (Thống kê châu Phi, 1997; ECA, 2007). Tất cả những kinh nghiệm đã tích lũy được là tài liệu vô giá để đánh giá các vấn đề liên quan đến phương pháp đo lường khu vực phi chính thức.

**Bảng 2: Điều tra 1-2-3 ở Tiểu sa mạc Sahara châu Phi**

Các nước	Năm	Quy mô mẫu			Phạm vi
		Pha 1 (Hộ gia đình)	Pha 2 (đơn vị SXKD phi chính thức)	Pha 3 (Hộ gia đình)	
Bê Nanh	2001	3 000	1 000	600	Cotonou
	2003 và 2004	3 600	1 200	Không	Khu vực thành thị
	2006 và 2007	18 000	6 200	18 000	Quốc gia
Bu kina Faso	2001	2 500	1 000	1 000	Ouagadougou
Burundi	2006	1 600	600	900	Bujumbura
	2007	3 300	600	Không	Khu vực thành thị
Côte d'Ivoire	2002	2 500	1,000	Không	Abidjan
Mali	2001	2 400	1,000	1 000	Bamako
	2004	2 500	Không	Không	Quốc gia
	2007	3 000	Không	Không	Quốc gia
Ma rốc*	1999/2000	45 000	8 900	15 000	Quốc gia
Niger	2002	2 500	800	600	Niamey
Senegal	2002	2 500	1 000	600	Dakar
Togo	2001	2 500	1 000	600	Lomé
Madagascar	1995-2006	3 000	1 000	600	Antananarivo
	2000 và 2001	6 000	Không	Không	Khu vực thành thị
Camơ run	1993	2 500	1 000	400	Yaoundé
	1994	2 500	Không	Không	Yaoundé
	2005	8 500	5 100	Không	Quốc gia
	2007	12 000	Không	Không	Quốc gia
Cộng hòa dân chủ Công gô	2004/2005	13 700	6 300	13 700	Quốc gia

\***Ghi chú:** Ở Ma rốc, điều tra pha 1 và pha 2 được rút ra từ Điều tra lực lượng lao động, điều tra pha 3 liên quan đến điều tra thu nhập/chi tiêu 2000/2001

*Điều tra lực lượng lao động (pha 1): một điều tra trụ cột trong cấu trúc điều tra hộ gia đình*

Ở hầu hết các nước trên thế giới, chủ yếu ở các nước phát triển và các nước đang phát triển thuộc châu Mỹ La tinh, châu Á, Bắc Phi, v.v...- thực tế ở mọi nơi (trừ Tiểu sa mạc Sahara châu Phi) - Điều tra lực lượng lao động là công cụ thống kê quan trọng nhất đối với các hoạt động kinh tế hộ gia đình. Ở đây chúng ta xem xét điều tra lực lượng lao động là loại điều tra hộ gia đình chung, sử dụng thường xuyên các khái niệm và phương pháp theo tiêu chuẩn quốc tế thuộc phạm vi thị trường lao động nói chung và các điều kiện về lao động của dân số. Điều tra lực lượng lao động không những là loại điều tra hộ gia đình có phạm vi rộng nhất, mà còn là kết quả của sự nỗ lực có phạm vi lớn nhất trong việc làm hài hòa các khái niệm và phương pháp để tạo khả năng so sánh quốc tế, đặc biệt là trong chiến lược thúc đẩy của Tổ chức Lao động Quốc tế (Hussmanns, Mehran and Verma, 1990).

Có hai luồng tranh luận nghiêng về ủng hộ sử dụng Điều tra lực lượng lao động để theo dõi sự lồng ghép kinh tế vào thị trường lao động ở các nước đang phát triển. Thứ nhất, chúng tôi đề cập đến các lý do phân tích. Việc làm là vấn đề trung tâm của các nước nghèo, đa phần là các nước đông dân, có nhiều người thiệt thòi nhất, nhận thu nhập thông qua việc làm của họ, trong khi đó việc chuyển đổi về thể chế (trợ cấp phúc lợi xã hội) và thu nhập từ vốn có vai trò không đáng kể. Còn ở nhiều nước khác, hoàn thiện chức năng của thị trường lao động và đánh giá việc làm là vấn đề then chốt của chính sách kinh tế. Thứ hai, qua những xem xét về kinh tế và xã hội này, thực hiện điều tra lực lượng lao động đã được chứng minh là đúng về cơ sở kỹ thuật,

bao gồm cả quản lý các cuộc điều tra thống kê và tăng cường năng lực cho các cơ quan thống kê quốc gia (NSOs). Trong thực tế, thực hiện điều tra lực lượng lao động rất đơn giản. Phiếu điều tra thường ngắn và có thể được áp dụng trong phạm vi hạn chế về thời gian. Trong pha 1 của *điều tra 1-2-3*, bảng hỏi thường ngắn, với 8 trang, chỉ cần 15 phút để hoàn thành điều tra (Rakotomanana, Ramilison and Roubaud, 2003). Thời gian thực hiện điều tra ngắn này có thể so sánh với các cuộc điều tra phức tạp hơn, khi không ít các phiếu điều tra dài hơn 100 trang, cần tới một vài giờ để hoàn thành nếu không phải là nhiều ngày điều tra (như Điều tra mức sống dân cư, điều tra thu nhập chi tiêu...). Do vậy, để có được các ước lượng tin cậy phải dựa vào các thủ tục phức tạp và nặng nề. Dĩ nhiên sự phức tạp này góp phần dẫn đến thất bại trong nhiều hoạt động của loại điều tra này. Kết quả là kinh phí điều tra lực lượng lao động bị hạn chế. Cuối cùng, điều tra lực lượng lao động tạo cơ sở lý tưởng cho việc phân loại hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ gia đình, các hoạt động này liên quan đến nhiều dòng câu hỏi, và cho phép điều tra sâu hơn hoặc bổ sung thêm nhiều mục về nhiều chủ đề khác nhau.

Trong bối cảnh khan hiếm các nguồn kinh phí và nhân lực để thực hiện điều tra lực lượng lao động, kết hợp sử dụng hai nguồn lực quan trọng này phải tính đến:

- Khả năng xây dựng các dãy số tăng dần theo thời gian, tạo cơ sở cho việc phân tích kinh tế. Tính liên tục của các cuộc điều tra có thể chứng minh được, các khái niệm và kết quả cần được chuẩn hóa, thuận tiện cho việc sử dụng các phương pháp phân tích (đặc biệt là phân tích kinh tế lượng) đối với cả hành vi kinh tế vĩ mô và vi mô;

- Là một công cụ hữu dụng để khuyến khích các nhóm cán bộ thống kê, đặc biệt là ở các nước nghèo, nơi mà hệ thống điều tra hộ gia đình ở giai đoạn đầu phát triển. Đối mặt với những khó khăn rất lớn, các cán bộ thống kê này cần được khuyến khích để thực hiện các hoạt động có mức độ rủi ro thấp. Trong phân loại cụ thể điều tra lực lượng lao động, pha 1 của cuộc điều tra có nguy cơ thất bại thấp. Do vậy, nên ủng hộ các cuộc điều tra có thể giám sát bằng số nhóm cán bộ thống kê có hạn, với các cuộc điều tra này, các kết quả được thông tin sớm và ít khả năng bị rủi ro do yêu cầu về tài chính quá lớn, những nguy cơ này không thể xác định trước được và không thể bắt ngân sách quốc gia nghèo phải gánh chịu.

Trong điều tra lực lượng lao động, pha 1 của *điều tra 1-2-3* có những điểm đặc biệt cần phải được nhấn mạnh. Thứ nhất, pha 1 được thiết kế cụ thể để đo lường khu vực phi chính thức và các vấn đề về việc làm. Liên quan đến khu vực phi chính thức, có một bộ câu hỏi cho phép xác định từng thành viên của lực lượng lao động thuộc khu vực phi chính thức này. Các câu hỏi bao gồm toàn bộ phạm vi theo tiêu chuẩn định nghĩa quốc tế; đó là số người làm việc trong các doanh nghiệp, có các loại hình đăng ký kinh doanh khác nhau (tùy thuộc vào luật pháp quốc gia) và loại hạch toán (chỉ đối với những người tự làm). Những thông tin này được thu thập cho cả công việc chính và công việc phụ. Điều này cho thấy sự giải quyết rất linh hoạt trong việc xác định hoạt động của khu vực phi chính thức, có thể thay đổi theo mục đích của từng nghiên cứu (định nghĩa quốc gia, so sánh quốc tế, và các mục tiêu mang tính học thuật). Nó cho phép chúng tôi đưa ra thông tin về quy mô về tổng số lao động trong khu vực phi chính thức cũng như số lượng các cơ sở sản xuất

kinh doanh phi chính thức, sử dụng câu hỏi về tình trạng việc làm. Tất nhiên là thông tin sau cùng này liên quan chủ yếu đến việc chọn mẫu đại diện của các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức cho pha 2. Nói rộng hơn, pha 1 cung cấp tất cả các thông tin chi tiết theo các khu vực thể chế.

#### *Điều tra khu vực phi chính thức (pha 2)*

Pha 2 của phương pháp này được thực hiện trong số những người chủ đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức đã xác định được trong pha 1 (Điều tra lực lượng lao động). Sự xuất hiện của điều tra trong bối cảnh giám sát tình trạng nghèo, với thực tế là túi tiền của người nghèo tập trung trong khu vực phi chính thức, đặc biệt là ở khu vực thành thị. Quan tâm đặc biệt đến khu vực này cho phép một phần lớn người nghèo trở thành mục tiêu nghiên cứu. Thực hiện phân tích các điều kiện trong những hoạt động này, hoạt động kinh tế và các đơn vị phi chính thức này hòa nhập vào hệ thống sản xuất như thế nào, theo bảng cân đối liên ngành I/O, đưa ra một bức tranh rõ ràng về tác động của chính sách đối với khu vực phi chính thức, và các chiến lược của các hộ gia đình chúng ta nói tới đó là một nguồn chủ yếu về việc làm hay thu nhập.

Cuộc điều tra nhằm mục tiêu trả lời các câu hỏi cụ thể về vai trò của khu vực phi chính thức trong nền kinh tế, cũng như sự đóng góp thực tế và tiềm năng để cải thiện mức sống của người dân. Ví dụ, xây dựng các hệ thống tài chính vi mô để hỗ trợ những người thiệt thòi nhất bằng việc khuyến khích phát triển các doanh nghiệp rất nhỏ và các doanh nghiệp nhỏ. Nhưng chúng ta phải hỏi: ai là người được hưởng lợi từ những hệ thống này, và tác động đối với họ như thế nào? Về mặt khác, trên cơ sở các cơ hội việc làm hạn chế trong khu

vực phi chính thức, có khuyến khích các hoạt động phi chính thức tạo khả năng lựa chọn có thể tạo nên động lực tăng trưởng không? Để trả lời cho những câu hỏi này, chúng tôi phải hiểu rõ chu kỳ kinh tế gần trung tâm trong đó vực phi chính thức hướng về, bằng việc phân tích sự phát triển về cơ cấu và sản xuất của nó, nguồn gốc của tiêu dùng trung gian, vốn, đầu tư, tài chính, và nhu cầu mà nó đáp ứng.

Bảng hỏi chuẩn là một phiếu hỏi cá nhân. Phiếu gồm có 7 mục (12 trang), với các nước khác có thể bổ sung thêm các mục trên cơ sở ưu tiên của quốc gia (ví dụ như mục về Bảo hiểm xã hội ở Tây Phi và Việt Nam; mục về thuế ở Madagascar, v.v...):

- Mục A: Các đặc điểm của đơn vị sản xuất kinh doanh;
- Mục B: Lực lượng lao động;
- Mục C: Sản xuất;
- Mục D: Chi tiêu và chi phí;
- Mục E: Khách hàng, nhà cung cấp và đối thủ cạnh tranh;
- Mục F: Vốn, đầu tư và tài chính;
- Mục G: Khó khăn và triển vọng;
- Mục S: Bảo hiểm xã hội (tự nguyện).

Trước các mục theo chủ đề này, trang đầu tiên của phiếu điều tra bắt đầu với một "phần lọc". Phần lọc này nhằm mục đích kiểm tra mức độ chính xác thông tin về các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức đã thu thập trong pha 1. Thông tin liên quan từ pha 1 về các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức được lựa chọn dành cho pha 2 (những đặc điểm cơ bản của đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức - địa chỉ, ngành sản xuất kinh doanh, tính hợp pháp, loại sổ sách, đăng ký, loại địa điểm sản xuất kinh

doanh, v.v.... - và chủ đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức - tên, tuổi, giới tính, quan hệ với chủ hộ, tình trạng việc làm, v.v...) đã được ghi lại từ trước vào phiếu điều tra pha 2. Sau đó, các thông tin như vậy được thu thập lại trong "phần lọc". Nếu các câu trả lời thống nhất, thì tiếp tục thực hiện các mục khác. Nếu các câu trả lời không thống nhất thì tìm hiểu lý do thay đổi thông tin giữa pha 1 và pha 2 và nếu người cung cấp thông tin được chọn không phải là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh phi chính thức, thì sẽ dừng điều tra. Một phần riêng xác định giới hạn một cách chính xác phạm vi của pha 2, "phần lọc" có thể được sử dụng để đánh giá chất lượng của pha 1 (cùng ý tưởng như phức tạp sau tổng điều tra).

Kinh nghiệm điều tra thực địa cho biết thời gian trung bình để điền đủ thông tin của phiếu điều tra vào khoảng từ 60 đến 90 phút (Rakotomanana, Ravelosoa and Roubaud, 2003; Amegashie chủ biên., 2005).

So với các cuộc điều tra khu vực phi chính thức khác, pha 2 của *điều tra 1-2-3* có một số đổi mới cần quan tâm. Chúng tôi sẽ nêu lên 5 điểm chính. Thứ nhất, phiếu điều tra đã được thiết kế cho phù hợp với các khái niệm của tài khoản quốc gia, các khái niệm này thường không đúng như thế (so với điều tra mức sống dân cư), để cung cấp nhiên liệu cho việc tính toán công phu các chỉ tiêu tổng hợp cơ bản của chúng. Khó khăn chính đó là để đảm bảo khả năng so sánh với các ghi chép chủ yếu theo kinh nghiệm thường ngày của chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh khu vực phi chính thức sử dụng, đa phần không theo các nguyên tắc hạch toán chính thức (hoặc thậm chí không có bất kỳ loại hạch toán nào). Với mục đích này, các bảng biểu thu nhập và chi phí quá chi tiết (theo từng sản phẩm) là phức tạp,



việc lựa chọn thời gian tham khảo cho phù hợp với các loại hàng hóa và dịch vụ được để mở cho các chủ đơn vị sản xuất kinh doanh lựa chọn cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của họ (từ ngày đến năm, với mọi kết hợp trong thời gian đó). Thủ tục mang tính kén chọn này chỉ để đảm bảo độ tin cậy của số liệu đưa ra trong điều kiện không có ghi chép thu chi.

Thứ hai, để hiểu rõ hơn vị trí của khu vực phi chính thức là gì trong từng nền kinh tế quốc gia và mối quan hệ của khu vực phi chính thức với các khu vực khác (nhà nước, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp trong nước, v.v...), với từng khoản mục liệt kê trong các bảng biểu, thu thập thông tin về nơi mua và nơi tiêu thụ về sản phẩm hàng hóa và dịch vụ. Trong mẫu phiếu điều tra, câu hỏi được chia theo các loại: **1. Khu vực Nhà nước hoặc một phần của nhà nước; 2. Doanh nghiệp hoạt động thương mại; 3. Hộ SXKD hoạt động thương mại; 4. Doanh nghiệp hoạt động phi thương mại; 5. Hộ SXKD hoạt động phi thương mại; 6. Hộ gia đình/cá nhân; 7. Xuất khẩu trực tiếp (nơi tiêu thụ hoặc nhập khẩu trực tiếp hàng hóa); 8. Tự tiêu dùng; 9. Tiêu dùng trung gian.** Ngoài ra, các quan hệ hợp đồng gia công hoặc thầu phụ được khai thác chi tiết. Thông tin như vậy cho phép chúng tôi xác định số lượng ở mức riêng (và tất nhiên là ở mức tổng thể) để lập các bảng cân đối chia theo các khu vực chính thức và khu vực phi chính thức theo sản phẩm và theo ngành kinh tế.

Thứ ba, một đặc điểm quan trọng cần nhấn mạnh là tính thời vụ của hoạt động kinh tế trong năm của khu vực phi chính thức. Một phương pháp truyền thống (nhưng đắt tiền) để giải quyết vấn đề này là thu thập số liệu trong cả năm. Vì thế mà, dàn mẫu này luôn không khả thi và không

đại diện, ngoài ra còn có hạn chế riêng. Điều tra 1-2-3 cố gắng khắc phục vấn đề này bằng việc đưa thêm một số câu hỏi về mức độ hoạt động trong năm vừa qua. Tính toán cẩn thận hoạt động sản xuất kinh doanh của một tháng trước, lập bảng biểu theo tháng về mức doanh thu, được chia theo 4 mức: **0. Không hoạt động; 1. Thấp; 2. Trung bình; 3. Cao.** Để xác định số lượng theo đánh giá chất lượng, có một câu hỏi cụ thể để nắm được mức doanh thu tối thiểu và tối đa (chắc chắn là không thực chất, tuy nhiên chỉ sử dụng số liệu doanh thu này để ước tính độ chênh lệch giữa tháng có doanh thu cao nhất và tháng có doanh thu thấp nhất. Bước thực hiện này cho phép có khả năng mức doanh thu cao nhất là chính xác, để ước tính mức kết hợp hàng năm của đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức, mà không tính trực tiếp được. Bằng chứng từ kinh nghiệm trên cơ sở số liệu của châu Phi chứng tỏ rằng không đưa vào các yếu tố thời vụ đã dẫn đến ước tính thiếu đáng kể thu nhập hỗn hợp của các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức (từ mức thấp nhất là 5% của Senegal, đến mức cao nhất là 39% ở Mali; Vescovo, 2007).

Thứ tư, nếu sản xuất kinh doanh của khu vực phi chính thức có ý nghĩa quan trọng đối với tài khoản quốc gia và GDP, thì mục tiêu này không phải là duy nhất. Pha 2 cũng xét đến các vấn đề chủ yếu khác, hướng tập trung hơn vào thông tin về các chính sách công. Một trong số liên quan lớn nhất đó là vấn đề khai thác sâu mối quan hệ giữa khu vực phi chính thức và nhà nước: loại đăng ký và lý do không đăng ký kinh doanh, mức độ tham nhũng, và mức độ phục tùng các quy định có tính bắt buộc. Một chủ đề quan trọng khác đó là việc xác định những khó khăn và yêu cầu nhằm vào những người chủ của khu vực phi chính

thực đối với nhóm các tổ chức công quyền để thực hiện các chính sách cụ thể được xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động khu vực phi chính thức (đơn giản hóa các thủ tục đăng ký, xác định cơ cấu tín dụng nhỏ, các chương trình đào tạo theo mục tiêu, cải thiện cơ hội sử dụng thiết bị, tiếp cận thị trường và thông tin, điều chỉnh hệ thống thuế, v.v...)

Thứ năm, theo danh sách bảng kê mục (B) lực lượng lao động, cho từng cơ sở sản xuất kinh doanh, tất cả các thành viên đang làm việc cùng với các đặc điểm cá nhân của họ (quan hệ với chủ cơ sở, giới tính, tuổi, dân tộc, trình độ giáo dục, đào tạo, kinh nghiệm, sở hữu, v.v...), pha 2 có thể được xem là một cuộc điều tra doanh nghiệp/người lao động phù hợp. Do đó, có khả năng áp dụng trong khu vực phi chính thức những phát triển mới hứa hẹn đối với loại điều tra này, loại điều tra mà cho đến nay chủ yếu được áp dụng cho các doanh nghiệp chính thức.

*Điều tra về tiêu dùng (PHA 3): Cách tiếp cận từ phía cầu*

Pha 3 của điều tra 1-2-3 chủ yếu là điều tra thu nhập/chi tiêu, thực hiện trên một mẫu con các hộ gia đình đã điều tra ở pha 1. Điều tra nhằm mục tiêu truyền thống là xác định số lượng về mức độ và cơ cấu tiêu dùng hộ gia đình, cụ thể hơn, điều tra được thiết kế để ước tính phần chia sẻ của khu vực phi chính thức về tiêu dùng hộ gia đình (và hình thành vốn cố định hộ gia đình). Có hai điểm về mặt phương pháp cần được nhấn mạnh: thứ nhất, là một cuộc điều tra thu nhập chi tiêu, pha 3 được lập kế hoạch để lợi dụng kinh nghiệm tích lũy được trong lĩnh vực nghiên cứu này; thứ hai là pha 3 đưa ra một phương pháp mới để tính toán chi tiêu đã trả cho khu vực phi chính thức.

Theo nguyên tắc chung của các cuộc điều tra cùng loại khác, pha 3 đưa ra những số liệu ước tính về thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình. Tạo điều kiện để tính đường nghèo và ước tính các chỉ tiêu nghèo về tiền theo truyền thống (phạm vi tác động, cường độ, v.v...). Đây là ý nghĩa mang tính chiến lược vì xoá đói giảm nghèo đã trở thành mục tiêu chủ yếu của các chính sách phát triển ở các nước đang phát triển (Cling, Razafindrakoto and Roubaud, 2003). Từ quan điểm về phương pháp, trước sự đánh đổi thông thường để có được sự kết hợp tốt nhất giữa các số liệu ước tính đáng tin cậy và phổ biến nhanh các kết quả. Sự lựa chọn hướng vào pha 3, giữa điều tra thu nhập chi tiêu và điều tra mức sống dân cư. Sử dụng sổ ghi chép về chi tiêu hàng ngày trong vòng 2 tuần cho phép tính được số liệu về chi tiêu và nghèo đói tốt hơn phương pháp đã sử dụng trong điều tra mức sống dân cư, chủ yếu chỉ dựa vào câu hỏi hồi tưởng<sup>(2)</sup>. Có thực tế là việc điều tra ít quan tâm đến thời vụ hơn so với điều tra thu nhập chi tiêu truyền thống, ở đây số liệu được thu thập qua cả năm, đã bù lại phần nào cho phạm vi thời gian ngắn hơn để phổ biến thông tin, làm cho cuộc điều tra đơn giản hơn đó là hữu ích hơn đối với những người ra quyết định. Tuy nhiên, mẫu tiêu chuẩn pha 3 được chia thành hai đợt điều tra liên tiếp, mỗi đợt 15 ngày, thời gian điều tra trong một tháng, cần tính đến những biến động trong tháng (ví dụ như ở nhiều nước, công chức hoặc lao động hưởng lương nhận tiền vào một ngày cố định của tháng, thường vào ngày cuối tháng). Số liệu về chi tiêu hàng ngày, chỉ sử dụng để ước tính tiêu dùng lương thực thực phẩm, các mô đun hồi tưởng được thu thập cho tất cả các loại chi tiêu khác (y tế, giáo dục, quần áo, v.v...). Thời kỳ lựa chọn cho các mô đun hồi tưởng này

thay đổi từ 6 tháng đến 2 năm, theo thời gian thanh toán nhất định.

Phiếu điều tra chuẩn là một phiếu điều tra hộ gia đình. Phiếu gồm 15 mục (trên cơ sở ưu tiên quốc gia các nước có thể bổ sung thêm các mục khác) dưới đây:

- 1 mục chi tiêu hàng ngày của hộ gia đình trong thời gian 15 ngày;
- 1 mục hồi tưởng (trên 12 tháng) về các khoản chi tiêu quan trọng hoặc các khoản chi ngoại lệ không tính cho tiêu dùng lương thực và thực phẩm khác;
- 1 mục hồi tưởng (trên 12 tháng) chi cho các dịp kỷ niệm, ma chay và các nghi thức khác;
- 9 mục hồi tưởng với các khoản chi phi lương thực thực phẩm (tiêu dùng cuối cùng), với độ dài các biến (từ trên 6 tháng hoặc 12 tháng);
- 1 mục hồi tưởng về các loại thuế (trên 12 tháng);
- 1 mục hồi tưởng (trên 24 tháng) về chi cho xây dựng (nhà tự ở);
- 1 mục hồi tưởng (trên 6 tháng) về chuyển tiền từ hộ đến các hộ khác và ngược lại.

Từ quan điểm phân tích, tính chất đặc đáo của giai đoạn 3 là ở trong phạm vi khả năng các số liệu ước tính của nó về tổng chi tiêu của từng hộ gia đình, theo dõi sổ ghi chép nơi mua các sản phẩm (hoặc có được để tự tiêu dùng), và đặc biệt là nguồn cụ thể của các sản phẩm trong các khu vực chính thức hoặc khu vực phi chính thức. Đối với từng sản phẩm, ngoài phần thông tin thu thập theo loại sản phẩm, số lượng, đơn giá và tổng số tiền ra, còn thu thập nơi mua (hoặc nhận được) sản phẩm. Hệ thống các phương án trả lời về nơi mua hàng là:

**PHI CHÍNH THỨC:** 1. *Tự sản xuất*; 2. *Bán đến từng nhà, bán trên đường phố*; 3. *Bán hàng ở nhà, cửa hàng nhỏ không chính thức*; 4. *Chợ*; 5. *Địa điểm mua bán phi chính thức khác*;

**CHÍNH THỨC:** 6. *Siêu thị*; 7. *Các cửa hàng và quầy hàng chính thức*; 8. *Khu vực công cộng (quầy hàng, cửa hàng chính thức, v.v...)*; 9. *Địa điểm mua bán chính thức khác*.

Dĩ nhiên, đưa ra một ranh giới rõ ràng hoàn toàn giữa khu vực chính thức và khu vực phi chính thức là ngoài khả năng đối với người trả lời phỏng vấn. Trong một số trường hợp, người trả lời trong hộ gia đình không biết chính xác nếu người cung cấp hàng hóa giữ bản kê những số tiền phải trả, có sổ sách hoặc số người làm việc trong doanh nghiệp là gì. Tuy nhiên, những trường hợp này đã được giới hạn (nhiệm vụ chủ yếu được phân biệt giữa loại 5. *Địa điểm mua bán phi chính thức khác* và 9. *Địa điểm mua bán chính thức khác*). Nếu không có biện pháp để có một điểm cắt rõ ràng giữa hai loại địa điểm mua hàng này, thì các sai số có thể giảm tương xứng. Thứ nhất, hệ thống các phương án trả lời về nơi trả tiền có thể được lọc ra (lên tới 42 loại địa điểm ở Morocco, 2000). Thứ hai, các hướng dẫn cụ thể có thể được đưa ra ở thực địa: người trả lời được thông tin trước về định nghĩa chính xác về khu vực phi chính thức là gì, do vậy họ có thể cung cấp thông tin có giá trị về các đặc điểm của nơi cung cấp hàng hóa cho họ (và thậm chí, đối với sổ ghi chép thu chi hàng ngày, có thể thu thập thêm thông tin ghi chép về tình trạng của các nhà cung cấp chính thức của họ). Với mục tiêu này, chúng ta phải giải quyết các mô hình tiêu dùng thông thường: nói chung, người tiêu dùng thường duy trì cùng nhà

cung cấp cho một thời gian dài và có một số nhà cung cấp có quan hệ gần gũi với họ (đặc biệt trong khu vực phi chính thức). Các sai sót tiềm năng cũng có thể được theo dõi và chỉnh sửa *sau đó*, thảo luận chi tiết về sự hiểu biết của người phỏng vấn về các đặc điểm của các nhà cung cấp (theo ngành kinh tế, quan hệ hàng xóm láng giềng, v.v...). Cuối cùng, kiểm tra và sửa lỗi có thể được thực hiện trong bước xử lý số liệu. Thông tin đưa ra trong pha 2 về cơ cấu và các đặc điểm của khu vực phi chính thức là chi tiết có liên quan ở đây. Bước cuối cùng bao gồm kiểm tra tính thống nhất của các số liệu ước tính về tiêu dùng (ở mức tổng hợp chung và mức chi tiết hơn) giữa tiêu dùng hộ gia đình đã trả cho khu vực phi chính thức quy định trong pha 2 (nơi tiêu thụ hàng hóa) và trong pha 3.

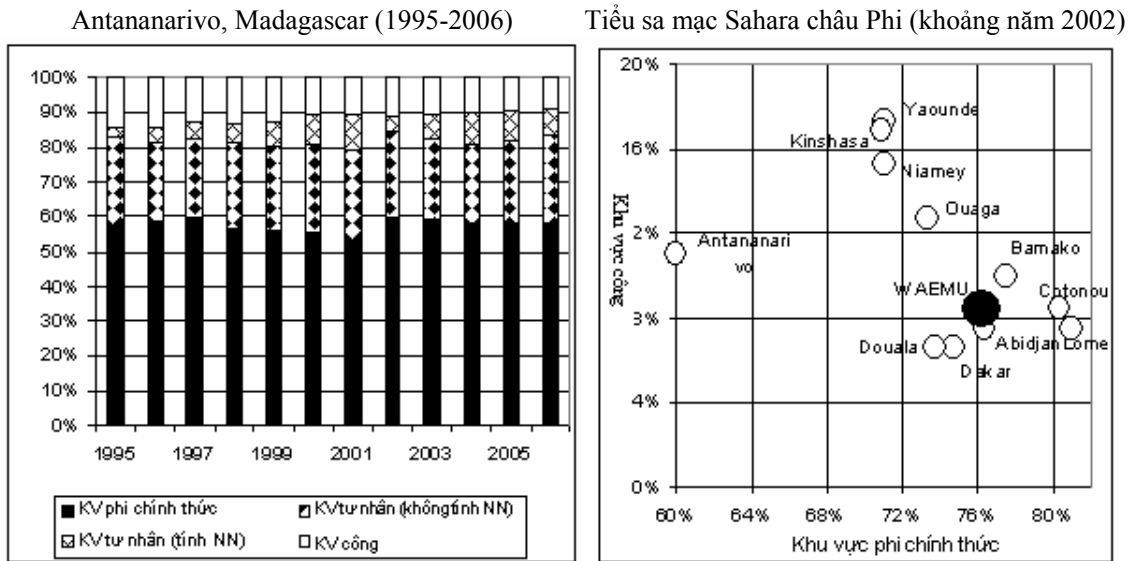
### 3. Một số minh họa về kết quả

Để minh họa sự quan tâm về mặt phân tích trong *điều tra 1-2-3*, mục này sẽ đưa ra một số kết quả chủ yếu từ kinh nghiệm của châu Phi, tập trung cụ thể vào những vấn đề có liên quan nhiều đến phân tích vĩ mô, những phân tích này chỉ có được bằng phương pháp *điều tra 1-2-3*.

#### ***Phản đóng góp lớn nhất của việc làm khu vực phi chính thức, ngay trong các khu vực thành thị (pha 1)***

Đã được đề cập chi tiết ở pha 1, Bảng 3 chứng tỏ sự phát triển của việc làm theo khu vực thể chế theo thời gian ở Madagascar (1995-2006), và theo không gian, giữa 10 thành phố lớn của các nước nói tiếng Pháp ở châu Phi.

**Bảng 3: Việc làm theo khu vực thể chế**



**Nguồn:** Điều tra 1-2-3, giai đoạn 1. Madagascar: 1995-2006, DIAL/INSTAT. Các nước châu Phi: INS/AFRISTAT/DIAL; tính toán của tác giả.

Khu vực phi chính thức, từ lâu đã được xem là một hiện tượng ở thành thị. Chắc chắn rằng ở Sa mạc Sahara châu Phi, phần chủ yếu của lực lượng lao động đang làm việc trong khu vực phi chính thức (Bảng 4). Nếu chỉ quan tâm đến các hoạt động phi nông nghiệp, thì phần đóng góp của khu vực phi chính thức là 67% ở Camorun và 58% ở Cộng hòa dân chủ Công gô. Phần đóng góp này tăng lên tới 78% và 80% tương ứng nếu chúng ta tính đến các hoạt động nông nghiệp ở khu vực thành thị. Tuy nhiên, ngay cả ở khu vực nông thôn, khu vực phi chính thức phi nông nghiệp cũng là khu vực cung cấp việc làm quan trọng: từ 11% ở Cộng hòa

dân chủ Công gô lên tới 23% ở Camorun, theo chiến lược đa dạng hóa của dân số nông thôn. Ngoài ra, căn cứ vào các mức đô thị hóa thấp, ở cả hai nước chỉ có khoảng nửa trong tổng số việc làm thuộc khu vực phi chính thức (phi nông nghiệp thuộc về khu vực thành thị 46% ở Camorun và 45% ở Cộng hòa dân chủ Công gô). Nếu tính cả các hoạt động nông nghiệp, thì việc làm ở khu vực phi chính thức chiếm tới 9 trong số 10 việc làm ở hai nước (90% ở Camorun và 92% ở Cộng hòa dân chủ Công gô). Điều này giải thích tại sao lưu tâm tới các khu vực nông thôn là giải pháp để giải quyết các vấn đề khu vực phi chính thức.

**Bảng 4: Việc làm theo khu vực thể chế và khu vực thành thị/nông thôn, Camorun và Cộng hòa dân chủ Công gô năm 2005**

%	Camorun			Cộng hòa dân chủ Công gô		
	Thành thị	Nông thôn	Cả nước	Thành thị	Nông thôn	Cả nước
<b>Khu vực nhà nước</b>	10,5	2,6	4,9	14,2	4	6,3
<b>Khu vực tư nhân chính thức</b>	11,8	2	4,7	5,9	0,6	1,8
<b>Phi chính thức (phi nông nghiệp)</b>	67,4	22,5	35,2	58,4	10,6	21,4
<b>Phi chính thức (nông nghiệp)</b>	10,3	72,9	55,2	21,5	84,8	70,5
<b>Tổng số</b>	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

**Nguồn:** Điều tra 1-2-3, pha 1. Camorun: 2005, DIAL/INS. Cộng hòa dân chủ Công gô: 2005, DIAL/INS

***Sự lồng ghép của hoạt động sản xuất kinh doanh khu vực phi chính thức trong nền kinh tế (pha 2)***

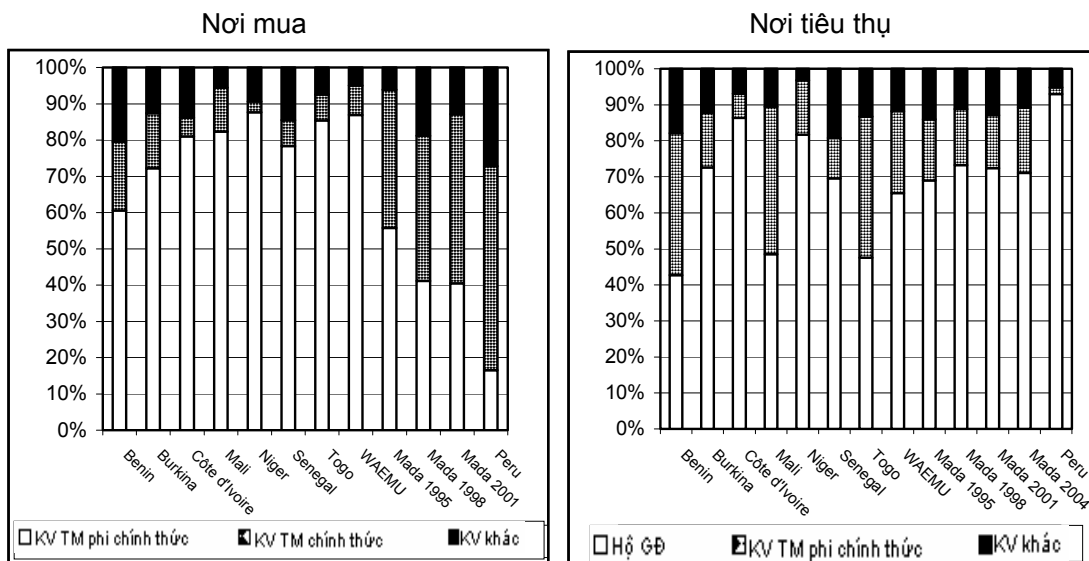
Nơi mua các yếu tố đầu vào và nơi tiêu thụ hàng hóa tổng hợp chung cho các nước khác nhau được trình bày trong Hình 5. Ở

Tây Phi, khu vực cung cấp hàng hóa chủ yếu của khu vực phi chính thức là thương mại phi chính thức, tính trung bình lên đến trên 80% của tiêu dùng trung gian. Khu vực thương mại chính thức đứng vị trí thứ hai, trong khi đó tất cả các khu vực khác chia sẻ

phần còn lại (khu vực sản xuất chính thức và khu vực sản xuất phi chính thức, khu vực công, v.v...). Mức xuất khẩu trực tiếp không đáng kể. Ở Madagascar, đóng góp của hoạt động thương mại chính thức và phi chính thức cân bằng hơn. Ngoài ra, phần đóng góp của khu vực phi chính thức đã bị thu

hẹp cùng với tăng trưởng (1995-2001), tiêu dùng trung gian đến từ khu vực phi chính thức đang tăng dần, được thay thế bằng hàng hóa của khu vực phi chính thức, vì các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức sản xuất nhiều hàng hóa hơn.

**Hình 5: Nơi mua các yếu tố đầu vào và nơi tiêu thụ hàng hóa trong khu vực phi chính thức**



**Nguồn:** Điều tra 1-2-3, pha 2. Madagascar: 1995 & 1998, DIAL/INSTAT. Các nước châu Phi: INS/AFRISTAT/DIAL; tính toán của tác giả.

Ở châu Mỹ La tinh, phần đóng góp của khu vực phi chính thức lớn hơn nhiều, phản ánh bản chất trung gian của khu vực phi chính thức. Điều tra 1-2-3 đã phát hiện bản chất khác nhau của khu vực phi chính thức giữa hai châu lục. Bằng chứng cho thấy rằng, ở châu Mỹ la tinh, khu vực phi chính thức hội nhập nhiều hơn trong nền kinh tế, cung cấp cho khu vực chính thức và đã đáp ứng phần nào nhu cầu riêng của các hộ gia đình. Ở tiểu Sa mạc Sahara châu Phi, khu vực phi chính thức có phần ít liên kết hơn từ các nguồn kinh tế chính thức, nơi mua hàng

hóa và khách hàng thường ở ngay trong khu vực phi chính thức. Những thực tế ước liệu này phù hợp với cơ cấu kinh tế riêng của hai khu vực: mức độ phát triển và quy mô của khu vực phi chính thức.

**Khu vực phi chính thức và nhà nước (pha 2)**

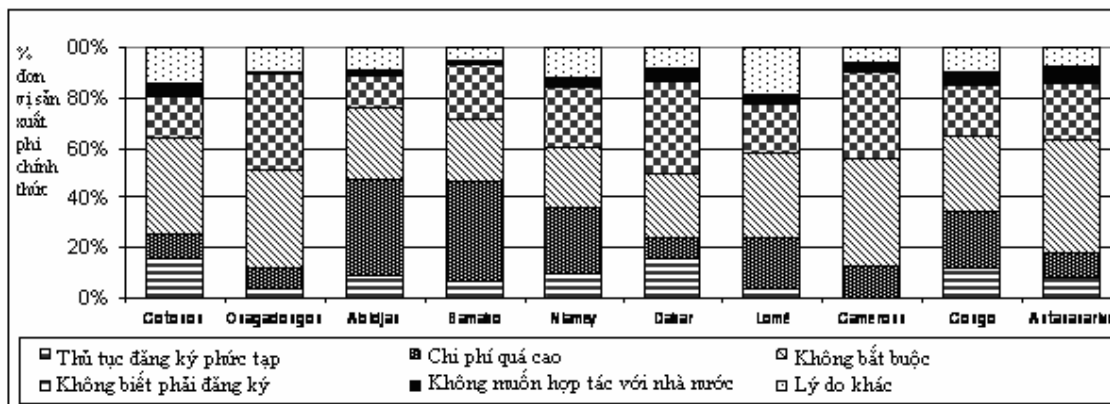
Thái độ của khu vực phi chính thức đối với nhà nước như thế nào và khu vực phi chính thức được nhà nước quan tâm như thế nào là một vấn đề cơ bản để giải quyết để biết nhiều hơn về vai trò khả năng khu

vực phi chính thức có thể đóng góp cho nền kinh tế. Tuy nhiên hiểu biết của chúng tôi về vấn đề này rất hạn chế. Có phải các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức có chủ ý thoát khỏi kiểm soát của nhà nước không? Hoặc có phải các đơn vị sản xuất kinh phi chính thức không đăng ký là do những khó khăn mà họ gặp phải về thủ tục hành chính không?

Trong tất cả các nước đã nghiên cứu, rất ít các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức (dưới 7%) khai là họ không muốn hợp tác với nhà nước. Ở một số nước (Côte d'Ivoire và Mali, cùng như ở Niger và Congo nhưng phạm vi nhỏ hơn), chi phí hoặc mức độ phức tạp của các thủ tục đăng ký được nhấn mạnh như là một trở ngại chính.

Trong thực tế, rất nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức (hơn hai phần ba ở Cameroon, Madagascar, Burkina Faso và Senegal) là không bắt buộc, hoặc họ không biết là họ phải đăng ký. Do vậy, chỉ có một số nhỏ trong khu vực phi chính thức chủ tâm từ chối không hòa nhập vào khu vực chính thức. Kết quả này phù hợp với thực tế là có khoảng từ 20% (ở Tôgô) lên đến 40% (ở Madagascar) các đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức khai là họ sẵn sàng đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh của họ, và tỷ lệ phần trăm có phần cao hơn nếu chúng ta xem xét đến những đơn vị sản xuất kinh doanh phi chính thức sẵn sàng nộp thuế (tương ứng với các tỷ lệ 27% ở Tôgô, 61% ở Madagascar và 88% ở Nigê).

**Hình 6: Lý do tại sao các đơn vị SXKD phi chính thức không đăng ký**



**Nguồn:** Điều tra 1-2-3, pha 2 Madagascar: 1998, DIAL/INSTAT. Các nước Châu Phi: INS/AFRISTAT/DIAL; tính toán của tác giả.

**Mức độ thỏa mãn về tiêu dùng hộ gia đình ngay cả cho những hộ giàu nhất (pha 3)**

Hình 7 minh họa lợi ích của pha 3. Mẫu lựa chọn chứng tỏ rằng quyền số của khu vực phi chính thức trong tiêu dùng của các hộ gia đình rất cao. Ở các khu vực đô thị

tiểu sa mạc Sahara châu Phi, hơn ba phần tư tổng tiêu dùng của hộ gia đình do khu vực phi chính thức cung cấp (lên tới 84% ở Tôgô). Ở tất cả các nước, người nghèo hơn là các hộ gia đình và chiếm phần lớn hơn trong khu vực phi chính thức. Tuy nhiên, đối với những người giàu nhất (ở đây là phần tư thứ 4), thì khu vực phi chính thức cung cấp

phần chủ yếu về hàng hóa tiêu dùng (hơn hai phần ba). Cuối cùng, ở Madagasca điều tra pha 3 được lặp đi lặp lại theo thời gian, phần đóng góp của tiêu dùng khu vực phi

chính thức đang giảm đi cùng với sự tăng lên về thu nhập (ví dụ như cơ dân về thu nhập của các sản phẩm hàng hóa thấp hơn so với khu vực chính thức).

**Bảng 7: Tiêu dùng khu vực phi chính thức ở Tiểu sa mạc Sahara châu Phi**  
Chia theo 4 mức tiêu dùng bình quân đầu người (%)

%	Benin	Burkina	Mali	Niger	Senegal	Togo	WAEMU	Madagascar	
Tứ phân vị	2001	2003	2002	2004	2003	2002	2002-2003	1995	1998
<b>Thứ nhất</b> (nghèo)	91,0	87,4	94,6	91,3	86,0	90,3	89,4	92,2	90,2
<b>Thứ 2</b>	84,0	80,8	83,9	90,7	82,9	88,2	84,3	86,3	85,7
<b>Thứ 3</b>	77,5	75,7	84,4	82,5	78,6	84,3	80,1	81,3	79,2
<b>Thứ tư</b> (giàu)	66,8	62,5	72,9	70,4	64,2	78,2	68,1	66,8	60,8
<b>Tổng số</b>	76,5	72,2	81,0	80,5	75,7	84,0	77,7	76,5	72,5

**Nguồn:** Điều tra 1-2-3, pha 3. Madagascar: 1995 & 1998, DIAL/INSTAT. Các nước châu Phi: INS/AFRISTAT/DIAL; tính toán của tác giả.

Chi tiêu bằng tiền không tính tiền thuê nhà, tự tiêu dùng và quà tặng. WAEMU: trung bình giản đơn của 6 nước. Các nước ở tiểu sa mạc Sahara: thành phố thủ đô.

(1) Căn cứ vào đặc điểm của “các doanh nghiệp” trong khu vực phi chính thức (một thợ sửa chữa quần áo tại nhà cho các khách hàng là hàng xóm và chỉ làm việc một mình một vài giờ trong một tuần vẫn được xem như là một “doanh nghiệp”) chúng tôi thích sử dụng thuật ngữ “các đơn vị SXKD” hơn là “các doanh nghiệp” hoặc “các cơ sở kinh tế”.

(2) Một phiếu điều tra Khảo sát mức sống dân cư tính đến một số lượng cố định và hạn chế số mục hỏi về tiêu dùng (khoảng 100 mục), trong khi đó một phiếu điều tra pha 3 chuẩn có một biến và số mục cao hơn nhiều, ở mức rất chi tiết (phân loại 4 chữ số hoặc 5 số), tạo điều kiện cho việc ước tính tốt hơn; về so sánh tổng quát hơn về hai loại điều tra này để ước tính tiêu dùng và nghèo về tiền, xem Razafindrakoto and Roubaud (2003).

#### Tài liệu tham khảo

AFRISTAT (1997), “Proceedings of the seminar ‘The Informal Sector and Economic

Policy in Sub-Saharan Africa’, Bamako, March 10-14 1997”, AFRISTAT, Serie Methods No.1, Mali.

Amegashie F., Brilleau A., Coulibaly S., Koriko O., Ouédraogo E., Roubaud F. and C. Torelli (2005), “La conception et la mise en œuvre des enquêtes 1-2-3 en UEMOA, les enseignements méthodologiques”, *Statéco*, 99, 21-41.

Cling J.-P., Razafindrakoto M. and F. Roubaud, eds. (2003), *New International Poverty Reduction Strategies*, London/ New York: Routledge.

Economic Commission for Africa (2007), “Measuring the Informal Sector in Africa”, Addis Abbaba.

Husmanns R., Mehran F. and V. Verma (1990), *Surveys of Economically Active Population, Employment, Unemployment and Underemployment: An ILO Manual on Concepts and Methods*, Geneva: International Labour Office.



Rakotomanana F., Ramilison E. and F. Roubaud (2003), "The creation of an annual employment survey in Madagascar. An example for sub-saharan Africa", *InterStat*, 27(September), 35-58.

Rakotomanana F., Ravelosoa R. and F. Roubaud (2003), "The 1-2-3 survey of the informal sector and the satisfaction of household needs in the Antananarivo conurbation", *InterStat*, 27(September), 59-88.

Razafindrakoto M. and F. Roubaud (2003), "The existing systems for monitoring poverty: weaknesses of the usual household surveys", in Cling J.-P. et al., op cit, Chapter XI, 265-294.

Roubaud F. and M. Sérurier (1991), Economie non-enregistrée par la statistique et secteur informel dans les pays en développement, *Statéco* 68, Special Issue.

Roubaud F. (1997), "La mesure statistique du secteur informel en Afrique: les stratégies de collecte des données", Actes du Séminaire "Le secteur informel et la politique économique en Afrique Sub-saharienne", Afristat, tome 1, série méthode n°1, Bamako, Mali pp.81-96.

Vescovo A. (2007), "La mesure des revenus et du niveau de vie des ménages: cohérence interne des enquêtes 1-2-3 de sept capitales économiques de l'UEMOA", Bamako, Mali: AFRISTAT.

### **KHU VỰC PHI CHÍNH THỨC TRONG THỐNG KÊ TÀI KHOẢN QUỐC GIA... (tiếp theo trang 67)**

Phạm Đình Hàn (1998), "100 câu hỏi và giải đáp về Hệ thống Tài khoản Quốc gia", Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 1998.

Phạm Văn Dũng và cộng sự (2004), "Khu vực Kinh tế Phi chính thức: Thực trạng và những vấn đề đặt ra với công tác quản lý", Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Roubaud F., Razafindrakoto M., (2007), "The Informal Sector in Vietnam: what do we know and how to go further? A statistical and economic perspective", Hanoi, 2007.

Trần Văn Sinh (1993), "Khu vực phi kết cấu với việc đa dạng hóa ngành nghề và giải quyết việc làm", Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Hanoi, 1993

Tổng cục Thống kê (2003), Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia, "Phương pháp biên soạn Hệ thống Tài khoản Quốc gia ở Việt Nam", Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2003.

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2002), Bộ môn Thống kê Kinh tế, "Giáo trình Hệ thống Tài khoản Quốc gia", Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2002.

United Nation (2000), "Household Accounting: experience in concepts and compilation. Volume1 Household sector accounts", Studies in methods, Series F, No75/Vol.1, Handbook of National Accounting, New York 2000.

UNDS (2004), "Treatment of the informal sector in the 1993 SNA", Meeting of the Advisory Expert Group on National Accounts, New York, December 2004.

Vũ Thu Giang, Trần Thị Thu (1999), "Lao động nữ trong khu vực phi chính thức ở Hà Nội - Thực trạng và sự lựa chọn", Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.